TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MT** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MT, ngày 09 tháng 06 năm 2021

Số:11/2021/QĐST- HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án thụ lý số 12/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm2021, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lỳ Lò P - sinh năm 2000

Địa chỉ: Bản Mé G, xã Ka L, huyện MT, tỉnh Lai Châu;

- Bị đơn: Anh Lù Hừ Ch- sinh năm 1995;

Địa chỉ: Bản Lé M, xã Ka L, huyện MT, tỉnh Lai Châu;

Căn cứ vào Điều 212; 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51; 54; 55; 57; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận ngày 01 tháng 06 năm 2021, về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án về hôn nhân và gia đình.

XÉT THẤY;

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 06 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lỳ Lò P và anh Lù Hừ Ch.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lỳ Lò P và anh Lù Hừ Ch thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Lỳ Lò P và anh Lù Hừ Ch thỏa thuận, nhất trí giao cho anh Lù Hừ Ch trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung: Lù Ngọc M, sinh ngày 27/09/2018 cho đến tuổi trưởng thành 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung anh Lù Hừ Ch không yêu cầu chị Lỳ Lò P phải cấp dưỡng.

Về quyền thăm nom: Sau khi ly hôn, Chị Lỳ Lò P là người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không được ai cản trở.

- Về tài sản chung và công nợ: Chị Lỳ Lò P và anh Lù Hừ Ch xác định không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Công nợ chung không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Áp dụng điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/ 2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị P và anh Ch mỗi người phải nộp 75.000 đồng. Chị P và anh Ch thỏa thuận, nhất trí chị P chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm tương ứng là 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án huyện MT, tỉnh Lai Châu theo biên lai số: AA/2010/0003889 ngày 08 tháng 02 năm 2021. Trả lại cho chị P 150.000 đồng.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh Lai Châu;*
- *VKS huyện MT;*
- *Chi cục THADS huyện M T;*
- *UBND xã Ka L;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN
Đã ký
Lò Thị Chiến